Chi tiết mã HS 9021.40.00

Mã HS	9021.40.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ chỉnh hình, kể cả nạng, băng dùng trong phẫu thuật và băng cố định; nẹp và các dụng cụ cố định vết gẫy khác; các bộ phận nhân tạo của cơ thể người; thiết bị trợ thính và dụng cụ khác được lắp hoặc mang theo, hoặc cấy vào cơ thể, để bù đắp khuyết tật hoặc sự suy giảm của một bộ phận cơ thể / - Thiết bị trợ thính, trừ các bộ phận và phụ kiện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	07/11/2026 17:33:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90214000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18122
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18122
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18122
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17439
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17368
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17368
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17368
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17368
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17368
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17368
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17424
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17424
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17424
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17424

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17424
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17424
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17425
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17425
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17425
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17425
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17425
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17425
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17430
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17386
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17382
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17382
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17382
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17382
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17382
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17382
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17428
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17428
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17428
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17428
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17428
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17428
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17490
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17490
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17490
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17490
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17490
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17466
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17466
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17466
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17466
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17466
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17466
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17461
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17461
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17461
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17461
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17461
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17461
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17491
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17491
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17491
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17491
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17491
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17491
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17490
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17490
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17490
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17490
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17490
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17584
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17584
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17584
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17584
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17584
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17584
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17584
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17453
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17453
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17453
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17453
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17453
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17453
RCEP B	2022	2022	0	B!D17453
RCEP B	2023	2023	0	B!E17453
RCEP B	2024	2024	0	B!F17453
RCEP B	2025	2025	0	B!G17453
RCEP B	2026	2026	0	B!H17453
RCEP B	2027	2027	0	B!I17453
RCEP C	2022	2022	0	C!D17451
RCEP C	2023	2023	0	C!E17451
RCEP C	2024	2024	0	C!F17451
RCEP C	2025	2025	0	C!G17451
RCEP C	2026	2026	0	C!H17451
RCEP C	2027	2027	0	C!I17451
RCEP D	2022	2022	0	D!D17450

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17450
RCEP D	2024	2024	0	D!F17450
RCEP D	2025	2025	0	D!G17450
RCEP D	2026	2026	0	D!H17450
RCEP D	2027	2027	0	D!I17450
RCEP E	2022	2022	0	E!D17454
RCEP E	2023	2023	0	E!E17454
RCEP E	2024	2024	0	E!F17454
RCEP E	2025	2025	0	E!G17454
RCEP E	2026	2026	0	E!H17454
RCEP E	2027	2027	0	E!I17454
RCEP F	2022	2022	0	F!D17453
RCEP F	2023	2023	0	F!E17453
RCEP F	2024	2024	0	F!F17453
RCEP F	2025	2025	0	F!G17453
RCEP F	2026	2026	0	F!H17453
RCEP F	2027	2027	0	F!I17453
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16364
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16364
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16364
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16364

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9021.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9021.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18122), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.